TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-PT
Ngày: 31-01-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông
Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội
Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Và các ngày 25 và 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 379/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Phương M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng luật sư Nguyễn H thuộc Đoàn luật sự tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn:* Trần Văn T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Lê Văn Đ: Bà Lê Thị Phương M, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 31/5/2017).

2. Lê Thanh X, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Lê Thanh X: Bà Lê Thị Phương M, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 01/6/2016).

3. Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Trần Thị Ngọc M: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 19/6/2017).

4. Uỷ ban nhân dân huyện T.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND huyện T. Là đại diện theo pháp luật.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Phương M, sinh năm 1967.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ, anh Lê Thanh X trình bày:

Năm 1991, bà M sang nhượng phần đất của ông T1 và ông K diện tích 1.000m^2 (25m X 40m), đến ngày 18/3/1994 thì được cấp quyền sử dụng đất, bà M sử dụng đất để trồng cây, làm vườn. Đến năm 2013 thì bị đơn là anh Trần Văn T chặt cây để xây dựng 01 đường cống dẫn nước từ kênh lên để nuôi tôm (cặp hàng rào trường mẫu giáo H). Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu anh T phải trả lại diện tích 289,8m^2, còn các cây trên đất đã bị chặt đốn thì không yêu cầu bồi thường trong vụ án này.

- Bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc M trình bày: Năm 1980, Nhà nước quy hoạch đưa dân vào ở và cấp đất từ Quốc lộ X vào với chiều ngang 20m, chiều dài từ kênh đến đường nước phía sau, bình quân khoảng 50m. Anh T và ông T1 có đất ở đây, đất ông T1 thì từ kênh vào rồi đến đất anh T. Khi quy hoạch và xây dựng trường thì đất ông T1 không còn, đất anh T thì còn lại khoảng 400m^2 ở phía sau trường (sau khi đã hiến đất 01 phần đất cho trường xây dựng) thì anh T sử dụng trồng bạch đàn. Năm 1999 - 2000, khi bạch đàn lớn sợ mưa bão ngã qua trường nên anh có hỏi ông Phạm Hồng N (đã chết) là Chủ tịch UBND xã A và ông L (đã chết) là Hiệu trưởng trường để đổi đất với trường. Sau khi đổi 400m^2 phía sau trường để lấy phần đất cặp trường ngang 10m, chạy dài khoảng 50m, thì năm 2001, anh T đã múc và xây dựng đường cống bằng bê tông chạy dài hết đất để lấy nước từ kênh dẫn vô hầm nuôi thủy sản, trồng tre và còng trên đất. Do đó, qua yêu cầu của bà M thì anh T không đồng ý trả đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T không có ý kiến.

- Tại bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà Lê Thị Phương M đối với anh Trần Văn T, diện tích 289,8m^2 tại vị trí:

. Phía Đông giáp trường mẫu giáo H (hàng rào) 33,9m.

. Phía Tây giáp đất bà M sử dụng 35,1m.

. Phía Nam giáp đường A - HB 7,6m.

. Phía Bắc giáp lộ, kênh AB 9,2m.

(Hiện anh T đang sử dụng và có sơ đồ đo đạc kèm theo).

+ Bà Lê Thị Phương M, ông Lê Văn Đ và anh Lê Thanh X có trách nhiệm di chuyển ra khỏi phần đất tranh chấp với mọi hình thức (chặt, đốn, di dời, ...) các cây cối (chuối, vú sữa, ...) và vật kiến trúc trên đất (nếu có).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

. Bà Lê Thị Phương M, ông Lê Văn Đ và anh Lê Thanh X cùng liên đới nộp 724.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.266.000đ (do bà M nộp) theo biên lai thu số BM/2012 031660 ngày 11/11/2015 và BN/2013 01308 ngày 04/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 541.500 đồng.

. Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Phương M kháng cáo bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà M trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu anh T trả lại cho bà M phần đất bao chiếm diện tích 289,8m^2.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bà M.

- Luật sư Nguyễn Văn H phát biểu: Nguồn gốc đất do bà M chuyển nhượng của ông T1 và ông N, bà M được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.000m^2 và đóng thuế đầy đủ. Trên đất, bà M lập vườn, trồng cây ăn trái. Khi anh T xây dựng đường nước thì bà M không có ở địa phương mà bà M vào huyện H lập trang trại nên không biết. Đến năm 2013, bà M phát hiện và đã khởi kiện anh T.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào công văn số 111 để xét xử mà chưa làm rõ các vấn đề là chưa toàn diện, chưa khách quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét buộc anh T trả lại cho bà M phần đất bao chiếm diện tích 289,8m^2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Bà M cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là do bà mua của ông Đặng Văn T1 và ông Trần Văn Đ, thuộc một phần thửa 811, trong diện tích 1.000m^2 bà được cấp quyền sử dụng đất.

Anh T thì cho rằng rằng phần đất tranh chấp do anh đổi đất với Trường tiểu học H (trước đây là Trường AB). Trên đất anh T xây dựng một đường cống dẫn nước bơm cho hầm nuôi thủy sản phía sau và trồng cây.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Phần đất bà M đang sử dụng có chiều ngang 20m, trước đây do Nhà nước giao đất cho bà M sử dụng và bà M trả thành quả lao động cho các nguyên chủ. Những người làm chứng Văn Thành C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H đều cho rằng đất của bà M do Nhà nước cấp và bà M trả thành quả lao động xong.

- Đối với việc bà M cho rằng diện tích đất của bà thiếu so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 1.000m^2) thửa 811. Thấy rằng phần thiếu là do Nhà nước thu hồi 26m^2 để là đường A – HB và có bồi thường cho bà M, còn lại phía sau thửa đất 811 có 01 lộ đất, thuộc phạm vi và tại vị trí đất của bà M chiếm khoảng 200m^2 (chiều rộng đường khoảng 10m và 20 mét theo chiều dài đất của bà M) cộng với diện tích đo đạc từ mốc 1 đến 4, 6, 5 về mốc 1 có diện tích 735m^2 nên tổng cộng bà M không bị thiếu đất.

- Đồng thời phần đất tranh chấp các cơ quan có thẩm quyền xác nhận thuộc một phần thửa 810 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không phải thửa 811.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

Bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Phương M.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

1. Không chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà Lê Thị Phương M đối với anh Trần Văn T, diện tích 289,8m^2 tại vị trí:

+ Phía Đông giáp trường mẫu giáo H (hàng rào) 33,9m.

+ Phía Tây giáp đất bà M sử dụng 35,1m.

+ Phía Nam giáp đường A - HB 7,6m.

+ Phía Bắc giáp lộ, kênh AB 9,2m.

(Hiện anh T đang sử dụng và có sơ đồ đo đạc kèm theo).

2. Bà Lê Thị Phương M, ông Lê Văn Đ và anh Lê Thanh X có trách nhiệm di chuyển ra khỏi phần đất tranh chấp với mọi hình thức (chặt, đốn, di dời, ...) các cây cối (chuối, vú sữa, ...) và vật kiến trúc trên đất (nếu có).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Phương M, ông Lê Văn Đ và anh Lê Thanh X cùng liên đới nộp 724.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.266.000đ (do bà M nộp) theo biên lai thu số BM/2012 031660 ngày 11/11/2015 và BN/2013 01308 ngày 04/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 541.500 đồng.

+ Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lê Thị Phương M phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 17026 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Thông